

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/HS-ST
Ngày 11-01-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Bá Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Tính.

2. Bà Trần Thị Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 94/2022/TLST-HS, ngày 30 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 102/2022/QĐXXST-HS, ngày 14 tháng 12 năm 2022 và Thông báo về việc chuyển ngày xét xử vụ án hình sự số 109/2022/TB-TA, ngày 21 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Lê Đình N, sinh ngày 06 tháng 02 năm 1995 tại tỉnh Bình Thuận. Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình H, sinh năm 1969 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1965; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giam ngày 19/8/2022, theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 27/LB, ngày 15/8/2022 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

2. Nguyễn Minh P (tên gọi khác: Ph), sinh ngày 28 tháng 02 năm 1998 tại tỉnh Bình Thuận. Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh P1, sinh năm

1979 và bà Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1980; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 64/2016/HSST, ngày 04/8/2016 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xử phạt 02 năm tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/01/2018 và đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí; Bị tạm giam ngày 23/8/2022, theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 26/LB, ngày 15/8/2022 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu (Có mặt).

- *Bị hại:* Ông Trần Hữu T, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp Khu 0, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Phạm Thị N, sinh năm 1965 và ông Lê Đình H, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1980 và ông Nguyễn Minh P1, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt).

+ Bà Ngô Thị H, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 09/4/2022, Nguyễn Minh P mượn xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, biển số 86B5-239... của mẹ là bà Nguyễn Thị Ánh N đi chơi. Khi đi đến đường nông thôn thuộc xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận thì gặp Lê Đình N, cả hai cùng nói chuyện và rủ nhau đi xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu uống cà phê. P đồng ý và giao xe cho N điều khiển chở P ngồi sau, khi đến khu vực đường nông thôn thuộc ấp Khu 0, xã B, huyện X thì N phát hiện trong sân nhà ông Trần Hữu T có 01 cuộn lưới B40, do nhà khóa cửa và khi đó không có ai nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt liền rủ P cùng tham gia. Sau khi được P đồng ý, N điều khiển xe chạy vào sân nhà ông T đến vị trí cuộn lưới B40, N và P cùng nhau khiêng cuộn lưới lên xe, N ngồi lên xe chuẩn bị chạy ra thì ông T phát hiện truy hô nhưng N vẫn tiếp tục điều khiển xe bỏ chạy thoát cùng cuộn lưới B40 còn P chạy bộ bỏ trốn mặc dù ông T cố đuổi theo nhưng không bắt được.

Sau khi chiếm đoạt được cuộn lưới B40 của ông T, N chở đến Cửa hàng Vật liệu TB tại địa chỉ thôn B, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận do bà Ngô Thị H làm chủ. Tại đây, N nói dối là cuộn lưới B40 của gia đình không có nhu cầu sử dụng nên bán lại, bà H tin tưởng đã mua với giá 1.400.000 đồng, sau đó đã bán lại cho khách hàng không rõ nhân thân, lai lịch. Số tiền có được N và P chia nhau sau đó tự đi mua ma túy để sử dụng và chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 09/4/2022 xác định tài sản đã mất, ông Trần Hữu T đến Công an xã B, huyện X trình báo, đề nghị giải quyết và khai báo về nguồn gốc, đặc điểm của tài sản bị mất là 01 cuộn lưới B40; cao 1,8 mét; dài 50 mét; nặng 102 kg; mua tại cửa

hàng vật liệu xây dựng HT thuộc ấp Khu 0, xã B, huyện X với giá 3.060.000 đồng vào ngày 07/4/2022 (Bút lục: 111-113; 115, 116). Sau đó, toàn bộ hồ sơ và đồ vật, tài liệu được chuyển tới Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu (sau đây viết tắt là: Cơ quan Cảnh sát Điều tra) xử lý theo thẩm quyền.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã tiến hành lập biên bản khám nghiệm hiện trường, vẽ sơ đồ hiện trường và chụp ảnh hiện trường nơi xảy ra vụ việc vào ngày 11/8/2022 (Bút lục: 90-92) và ngày 14/4/2022, ra Quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu gồm: 01 mô tô mang biển số 86B5-239..., nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, số khung 3806GY118..., số máy JA38E0307... của Nguyễn Minh P (Bút lục: 47).

Tại Kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐG, ngày 19/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu kết luận: Tại thời điểm xảy ra vụ án, giá trị thiệt hại của tài sản được định giá là 3.033.000 đồng (ba triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số 91/CT-VKS-XM, ngày 28/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa–Vũng Tàu truy tố các bị cáo Lê Đình N và Nguyễn Minh P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa hình sự giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Đình N và bị cáo Nguyễn Minh P phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 và điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Đình N từ 08 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 19/8/2022); Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh P từ 06 tháng đến 10 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 23/8/2022).

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 3.040.000 đồng. Bị cáo P đã nhờ mẹ của mình là bà Nguyễn Thị Ánh N; bị cáo N đã nhờ mẹ của mình là bà Phạm Thị N bồi thường xong cho ông Trần Hữu T (theo tỷ lệ mỗi người bồi thường ½ giá trị thiệt hại của tài sản). Ông T đã nhận đủ số tiền bồi thường trên, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và cũng không có ý kiến gì khác.

Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đối với 01 cuộn lưới B40 có đặc điểm cao 1,8 mét; dài 50 mét; nặng 102 kg do các bị cáo trộm cắp của ông Tài, sau đó mang đến bán cho bà Ngô Thị H, bà H đã bán lại cho người khác không rõ nhân thân, lai lịch nên không thu hồi được.

- Đối với 01 mô tô mang biển số 86B5-239..., nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, số khung 3806GY118..., số máy JA38E0307... là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ánh N (mẹ ruột của bị cáo P). Bà N cho bị cáo P mượn đi chơi nên không biết sau đó bị cáo sử dụng phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội cùng với bị cáo N. Do đó, sau khi tạm giữ chiếc xe trên, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã trả lại xe cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật. Bà N đã nhận lại xe và không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận sau khi sự việc xảy ra, các bị cáo đã nhận thức được hành vi đã thực hiện là vi phạm pháp luật và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Các bị cáo thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và không tự bào chữa, tranh luận.

Bị hại có mặt tại phiên tòa thừa nhận đã nhận đủ số tiền bồi thường từ gia đình các bị cáo nên không có yêu cầu gì thêm và không có ý kiến trình bày gì khác; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà N và ông H có mặt tại phiên tòa không có yêu cầu gì đối với số tiền mà gia đình đã bỏ ra bồi thường, khắc phục hậu quả thay cho bị cáo N và không có yêu cầu hay đề nghị gì khác; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà N và ông P1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã nhận lại tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình nên không có ý kiến gì thêm và cũng không có yêu cầu gì đối với số tiền mà gia đình đã bỏ ra bồi thường, khắc phục hậu quả thay cho bị cáo P; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà H vắng mặt tại phiên tòa nên không có yêu cầu hay trình bày bổ sung gì thêm.

Khi nói lời sau cùng, các bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để các bị cáo sớm có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng, trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội: Khoảng 10 giờ ngày 09/4/2022, Nguyễn Minh P mượn xe mô tô biển số 86B5-239... của mẹ là bà Nguyễn Thị Ánh N để đi chơi, trên đường đi thì gặp Lê Đình N nên cả hai nói chuyện sau đó rủ nhau đi uống cà phê. Khi cả hai đi đến địa phận ấp Khu 0, xã B, huyện X thì Nguyễn phát hiện trong sân nhà ông Trần Hữu T có 01 cuộn lưới B40 nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt liền rủ P cùng tham gia. Sau khi cả hai chiếm đoạt được cuộn lưới B40 của ông T thì N đem bán với số tiền 1.400.000 đồng. Có được số tiền trên N và P chia nhau sau đó tự đi mua ma túy để sử dụng và chi tiêu cá nhân hết.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với biên bản khám nghiệm và sơ đồ hiện trường, với kết luận định giá tài sản, với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tài sản bị chiếm đoạt được xác định là: 01 cuộn lưới B40 có đặc điểm cao 1,8 mét; dài 50 mét; nặng 102 kg (không thu hồi được). Tại thời điểm xảy ra vụ án, giá trị thiệt hại của tài sản được định giá là 3.033.000 đồng (ba triệu không trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo đều đã thành niên, có sức khỏe và đủ nhận thức để hiểu được những điều cấm của pháp luật đối với mọi hành vi phạm tội về xâm phạm sở hữu, nhưng do tham lam, lười lao động, các bị cáo đã bất chấp tất cả quy định của pháp luật, lợi dụng sự vô ý và mất cảnh giác của bị hại, cố ý chiếm đoạt tài sản bằng cách lén lút thực hiện hành vi đối với chủ sở hữu để bán lấy tiền mua ma túy và chi tiêu cá nhân.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác, đây là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, tạo dư luận xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện, riêng bị cáo N cố tình thực hiện tội phạm đến cùng. Hành vi của các bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố các bị cáo và việc luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, quá trình lượng hình có xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

[2] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo N sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện đã tác động và nhờ mẹ ruột bồi thường thiệt hại xong phần trách nhiệm dân sự, bị cáo phạm tội nhưng gây hậu quả không lớn và phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Đối với bị cáo P sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện cũng đã tự nguyện tác động đến mẹ ruột bồi thường thiệt hại xong phần trách nhiệm dân sự, bị cáo phạm tội nhưng gây hậu quả không lớn. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vụ án có hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội, nhưng chưa có sự bàn bạc, phân công vai trò chặt chẽ nên chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này, cả hai bị cáo cùng thực hành và là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Bị cáo Lê Đình N là người không có tiền án, tiền sự, không phải là người tổ chức, xúi giục, giúp sức nhưng là người chủ động định hướng mọi việc ngay từ đầu, bản thân bị cáo được cơ quan chức năng xác định là người nghiện ma túy nên những điều đó đủ cho thấy bị cáo là người có phẩm chất, đạo đức không tốt, không chịu rèn luyện, tu dưỡng, phấn đấu để trở thành công dân tốt nay phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và thực hiện tội phạm đến cùng. Do đó, xét tính chất, vai trò, mức độ phạm tội và thái độ tôn trọng pháp luật của các bị cáo, khi quyết định hình phạt cần có mức hình phạt đối với bị cáo N cao hơn bị cáo P; Bị cáo Nguyễn Minh P cũng được cơ quan chức năng xác định là không có tiền án, tiền sự nhưng trước khi bị bắt, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ra Quyết định số 14/QĐ-TA, ngày 31/5/2022 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 15 tháng (Hiện đang được tạm đình chỉ thi hành theo Quyết định số 149/QĐ-CSTVĐTNMT, ngày 23/8/2022 của Cơ sở tư vấn và Điều trị nghiện ma túy) và về nhân thân, ngày 04/8/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xử phạt 02 năm tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 64/2016/HSST, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 01/01/2018, đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí và đương nhiên được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân, không tự giác cai nghiện nay lại cố ý thực hiện hành vi phạm tội những điều đó cho thấy bị cáo là người khó giáo dục. Mặc dù, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nhưng các bị cáo đều là người nghiện ma túy, có những hành vi trái đạo đức xã hội và coi thường pháp luật nên không áp dụng xử mức án dưới khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự mà cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo ý thức tôn trọng pháp luật, tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa các bị cáo phạm tội mới. Đồng thời, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

- Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Đình N khi mới đưa cuộn lưới lên xe thì bị hại phát hiện và truy hô nhưng bị cáo vẫn cố ý chở tài sản trộm cắp được bỏ chạy sau đó đưa đi bán là tình tăng nặng “Cố tình thực hiện tội phạm tới cùng” quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Minh P không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] Sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà H, bà N và ông P1 nhưng tất cả đã có lời khai làm rõ các tình tiết liên quan đến vụ án nên việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, vẫn tiến hành xét xử.

[4] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[5] Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường là 3.040.000 đồng, không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm và cũng không có ý kiến gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- 01 (một) cuộn lưới B40 có đặc điểm cao 1,8 mét; dài 50 mét; nặng 102 kg (không thu hồi được) đã được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu kết luận giá trị thiệt hại của tài sản được định giá là 3.033.000 đồng. Các bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường xong giá trị thiệt hại của tài sản cho bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- 01 (một) xe mô tô mang biển số 86B5-239..., nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE RSX, số khung 3806GY118..., số máy JA38E0307... là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ánh N. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự đã lập biên bản trả lại tài sản trên cho bà N là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Các vấn đề khác: Không.

[8] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên Cơ quan cảnh sát Điều tra công an huyện X; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện X được phân công điều tra, kiểm sát giải quyết vụ án thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phân xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, có cơ sở để xác định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Đình N và bị cáo Nguyễn Minh P (tên gọi khác: Ph) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

- Hình phạt chính:

2.1/ Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 và điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lê Đình N 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 19/8/2022).

2.2/ Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh P (Ph) 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 23/8/2022).

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

3. Trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

4. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Đình N và bị cáo Nguyễn Minh P (Ph). Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ các Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn

kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện X;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- CQ CS Điều tra Công an huyện X;
- CQ THA hình sự Công an huyện X;
- UBND xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV06, PC10 – Công an tỉnh BR-VT;
- CCTHA Dân sự huyện X;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Lê Bá Khuyến